

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2019

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Xuân

2. Ông Trương Văn Khắc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Hàn Văn Vinh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về: “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1970

HKTT: Thôn Yên Khánh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H - Sinh năm: 1966

HKTT: Thôn Yên Khánh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/12/2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị với anh Đỗ Văn H đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 142/2018/QĐST – HNGĐ ngày 07/11/2018. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia tài sản nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay vợ chồng chị không thể thống nhất thỏa thuận được với nhau. Hiện tại trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có các tài sản chung sau: Mảnh đất diện tích 115 m², thửa đất số 223, tờ bản đồ số 15, đất ở, tại thôn Yên Thanh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Trên đất có ngôi nhà 2 tầng diện tích sử dụng khoảng 250 m². Tổng giá trị tài sản là đất và nhà khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng chị. Cụ thể chị được sở hữu đất và nhà đồng thời đưa cho anh Hậu số tiền chênh lệch là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Văn H và 2 lần triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa án để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Hậu không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H được biết. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh H đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh H nhưng tại buổi thẩm định và định giá tài sản anh H vắng mặt nên Tòa án đã niêm yết các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và biên bản định giá tài sản để làm căn cứ cho các bước giải quyết tiếp theo, theo quy định của pháp luật. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Anh H không có bản tự khai, cũng như văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H nên các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 59 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu và sử dụng toàn bộ mảnh đất và công trình trên đất, đồng thời chị H có nghĩa vụ đưa cho anh H số tiền chênh lệch tương đương với $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản là 323.323.000 đ (Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H với anh Đỗ Văn H đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 142/2018/QĐST – HNGĐ ngày 07/11/2018. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, vợ chồng chị H và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay vợ chồng chị H anh H không thể thống nhất thỏa thuận được với nhau nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn. Đây là quan hệ tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS.

[2]. Về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án chị H có xuất trình cho Tòa án bản po to Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 027001 ngày 27/12/2012 mang tên Đỗ Văn H (Do hiện nay giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất anh H đang giữ và không xuất trình cho Tòa án). Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giữa chị H và anh H đang tồn tại hôn nhân hợp pháp với nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Thạch Bình về nguồn gốc mảnh đất trên và được ủy ban xã cung cấp: “ Mảnh đất này là do vợ chồng anh H và chị H mua lại của một người trúng đấu giá vào năm 2012. Khi đó chị H đang ở bên Đài Loan gửi tiền về nhà cho anh H mua. Do lúc đó chị H không có nhà nên anh H đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi mình tên anh Hậu trong giấy chứng nhận. Do chị Huyền đi nước ngoài gửi tiền về nên anh Hậu mới có tiền mua đất. Mảnh đất này là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị Huyền và anh Hậu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 027001 ngày 27/12/2012, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 15, diện tích 115 m², đất ở, tại thôn Yên Thanh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành. Quá trình sử dụng đất chị Huyền và anh Hậu cũng đã xây nhà và công trình trên đất”. Tòa án cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: Trên mảnh đất này đã xây dựng các công trình bao gồm 02 bán bình, 01 nhà 2 tầng và 01 nhà bếp. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 646.646.000 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Như vậy xác định hiện tại tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Hậu và chị Huyền là mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 027001 ngày 27/12/2012, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 15, diện tích 115 m², đất ở tại thôn Yên Thanh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành và toàn bộ công trình xây dựng trên đất có tổng giá trị là 646.646.000 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Xét thấy chị H là người phụ nữ, lại đóng góp nhiều công sức trong việc tạo lập khối tài sản và khối tài sản này không thể tách rời. Chị H có nhu cầu được sở hữu và sử dụng khối tài sản này. Vì vậy, cần giao cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu và sử dụng toàn bộ mảnh đất và công trình trên đất đồng thời chị Huyền có nghĩa vụ đưa cho anh H số tiền chênh lệch tương đương với $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản là 646.646.000 đ: 2 = 323.323.000 đ (Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

[3]. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000đ. Theo quy định của pháp luật đối với vụ án yêu cầu chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Chị H đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, vì thế anh Hậu phải hoàn trả cho chị H số tiền 1.500.000đ : 2 = 750.000 đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Chị H và anh H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Số tiền này bằng 323.323.000 đ x 5% = 16.166.150 đ, làm tròn bằng 16.166.000 đ (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí chị H phải nộp. Chị H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 9.916.000 đ (chín triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 33, khoản 2 điều 34 và điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 2 điều 147, khoản 2 điều 157, khoản 2 điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24, điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu và sử dụng những tài sản sau:

- Toàn bộ mảnh đất diện tích 115 m², thửa đất số 223, tờ bản đồ số 15, đất ở, tại thôn Yên Thanh, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 027001 do UBND huyện Thạch Thành cấp ngày 27/12/2012).

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất bao gồm: 02 bán bình, 01 nhà 2 tầng và 01 nhà bếp (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành).

2. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao cho anh Đỗ Văn Hậu số tiền 323.323.000 đ (Ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Đỗ Văn Hậu phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 750.000 đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn H phải nộp số tiền 16.166.000 đ (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 16.166.000 đ. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng chị Huyền đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai thu số AA/2016/0003501 ngày 13/12/2018. Chị Huyền còn phải nộp thêm số tiền án phí là 9.916.000 đ (chín triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị H vắng mặt anh Đỗ Văn H. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

Trương Văn Khắc Trương Thị Hồng Xuân

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Quách Thị Tình

Quách Hà Vính

Phạm Văn Hùng

